



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05102/2025/PKQ (2654.01A2505.134-135)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vofram Masan
Địa chỉ : xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 21/05/2025
Thời gian thử nghiệm : 21/05/2025 - 06/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	MTC-NH3: Ống khí thải NH3 nhà máy MTC	MTC-H2S: Ống khí thải H2S nhà máy MTC	QCVN 19:2009/ BTNMT
						Cmax*
1	Nhiệt độ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.N Đ	°C	37	41	-
2	Áp suất ^(b)	ISTEE.SOP.HT.AS	Pa	20,4	3,9	-
3	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	Nm ³ /h	1.119	509	-
4	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	30,79	30,85	-
5	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	4,9	2,2	-
6	Hàm ẩm ^(b)	US EPA 04	%	6,1	3,1	-
7	Bụi tổng ^(b)	US EPA 05	mg/Nm ³	5	4,6	280
8	NH ₃ ^(b)	JIS K 0099: 2004/IS 11255 (part 6)	mg/Nm ³	22,25	-	70
9	H ₂ S ^(b)	Jis K 0108: 2010	mg/Nm ³	-	<1	10,5
10	H ₂ SO ₄ ^(b)	US EPA 08	mg/Nm ³	<1,5	<1,5	70
11	SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	0	0	700
12	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	0	0	1.190
13	O ₂ ^(a,b)	ISTEE.SOP.HT.O2	%	4,6	4	-
14	CO ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	0	0	1.400

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Kp=1, Kv=1,4;
- (a): Thông số được Vilas công nhận; ;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; ;
- (-): không xác định;



† MTC-NH3: Ống khí thải NH3 nhà máy MTC: 01A2505.134;
- MTC-H2S: Ống khí thải H2S nhà máy MTC: 01A2505.135.

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05103/2025/PKQ (2667.01A2505.138-139)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vonfram Massan
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 22/05/2025
Thời gian thử nghiệm : 22/05/2025 - 06/06/2025

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	MTC-Boiler 01: Ống khí thải lò hơi số 1 nhà máy MTC	MTC-Boiler 02: Ống khí thải lò hơi số 2 nhà máy MTC	QCVN 19:2009/ BTNMT
						Cmax*
1	Nhiệt độ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.NĐ	°C	83	109	-
2	Áp suất ^(b)	ISTEE.SOP.HT.AS	Pa	33,3	53,5	-
3	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	Nm ³ /h	7384	9020	-
4	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	30,32	30,56	-
5	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	6,8	8,8	-
6	Hàm ẩm ^(b)	US EPA 04	%	3,6	3,4	-
7	Bụi tổng ^(b)	US EPA 05	mg/Nm ³	35,8	35,2	280
8	SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	585,12	544,1	700
9	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	81,97	78,21	1.190
10	O ₂ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.O2	%	8	6,5	-
11	CO ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	2,28	2,66	1.400

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Kp=1, Kv=1,4;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; ;
- (-): không xác định;
- MTC- Boiler 01: Ống khí thải lò hơi số 1 nhà máy MTC: 01A2505.138
- MTC- Boiler 02: Ống khí thải lò hơi số 2 nhà máy MTC: 01A2505.139

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Phạm Hải Long



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.